

Số: /KH-UBND

Tân Kỳ, ngày tháng 03 năm 2026

## KẾ HOẠCH

### Triển khai các nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số của ngành Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện Kế hoạch hành động số 12-KH/TU ngày 26/8/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy Hải Phòng về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; Kế hoạch số 48/KH-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố về thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ; Kế hoạch số 637/KH-UBND ngày 04/02/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai các nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của ngành Giáo dục và Đào tạo.

Ủy ban nhân dân xã Tân Kỳ ban hành Kế hoạch triển khai các nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của ngành Giáo dục và Đào tạo trên địa bàn xã, cụ thể như sau:

## I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

### 1. Mục đích

Cụ thể hóa đầy đủ các mục tiêu, chỉ tiêu và nhiệm vụ thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo được giao tại Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 71/NQ-CP, Nghị quyết số 11/NQ-CP và Kế hoạch số 48/KH-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố; bảo đảm triển khai thống nhất, đồng bộ trong toàn ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố Hải Phòng.

Tổ chức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong quản lý nhà nước về giáo dục, trong hoạt động dạy học, kiểm tra đánh giá, quản trị cơ sở giáo dục; góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

Xác định rõ trách nhiệm của các phòng chuyên môn thuộc Sở, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ sở giáo dục trong việc triển khai các nhiệm vụ; bảo đảm có lộ trình thực hiện, sản phẩm cụ thể và cơ chế kiểm tra, giám sát phù hợp.

### 2. Yêu cầu

Việc triển khai Kế hoạch phải bám sát mục tiêu, chỉ tiêu và nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch số 48/KH-UBND; bảo đảm đồng bộ với các chương trình, đề án liên quan đến phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của Trung ương và thành phố.

Các nhiệm vụ, giải pháp được xác định cụ thể, khả thi; phân công rõ đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp; xác định tiến độ thực hiện theo từng giai đoạn; bảo đảm tránh chồng chéo, trùng lặp với các kế hoạch, đề án khác của ngành.

Gắn kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số với công tác đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu cơ quan, đơn vị và kết quả thi đua, khen thưởng hằng năm.

## **II. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu chung**

Đến năm 2030, ngành Giáo dục và Đào tạo xã Tân Kỳ cơ bản hoàn thành chuyển đổi số trong quản lý, điều hành và tổ chức hoạt động giáo dục; hình thành hệ thống cơ sở dữ liệu giáo dục thống nhất, đồng bộ, liên thông; triển khai hiệu quả các nền tảng số trong quản trị cơ sở giáo dục; phát triển nguồn nhân lực số đáp ứng yêu cầu đổi mới sáng tạo; nâng cao chất lượng giáo dục STEM, nghiên cứu khoa học và hoạt động khởi nghiệp trong nhà trường.

### **2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể**

#### **2.1. Các chỉ tiêu theo Nghị quyết số 71/NQ-CP và Nghị quyết số 11/NQ-CP**

*(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo Kế hoạch)*

##### **a) Chỉ tiêu đến năm 2030**

- Mức độ chuyển đổi số đối với cơ sở giáo dục v trong đó:
  - + Trên 95% đối với cơ sở giáo dục phổ thông;
  - + Trên 90% đối với cơ sở giáo dục mầm non.
- 100% cơ sở giáo dục triển khai ký số trên các hệ thống sổ sách, sổ điểm và học bạ số.
- 100% cơ sở giáo dục phổ thông tổ chức giảng dạy kỹ năng số cho học sinh (học viên) theo Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT về Khung năng lực số cho người học.
- Từ 95% trở lên cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện lồng ghép, tích hợp giáo dục khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo vào các môn học và hoạt động giáo dục.

- Từ 85% trở lên cơ sở giáo dục phổ thông triển khai phương thức giáo dục tích hợp Khoa học, Kỹ thuật, Công nghệ, Toán học (STEM) gắn với nghiên cứu khoa học.

### **b) Chỉ tiêu đến năm 2045**

- 100% cơ sở giáo dục và cơ quan quản lý giáo dục đạt mức độ chuyên đổi số mức 2 trở lên.

- 100% cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện lồng ghép, tích hợp giáo dục khởi nghiệp vào các môn học và hoạt động giáo dục.

## **2.2. Các chỉ tiêu đánh giá theo giai đoạn 2025-2030**

*(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo Kế hoạch)*

Thực hiện Kế hoạch số 48/KH-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức theo dõi, đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu theo lộ trình các mốc năm 2025, 2030, 2035, 2040 và 2045; bảo đảm hoàn thành đúng tiến độ, đúng mục tiêu đã đề ra.

## **III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP**

**1. Nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn ngành Giáo dục và Đào tạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**

- Tổ chức quán triệt, phổ biến sâu rộng nội dung Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 71/NQ-CP, Nghị quyết số 11/NQ-CP và Kế hoạch số 48/KH-UBND đến toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong ngành; bảo đảm thống nhất nhận thức về vai trò, ý nghĩa và yêu cầu của phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đối với nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền thông qua hội nghị, sinh hoạt chuyên môn, sinh hoạt chi bộ, giao ban định kỳ và trên Cổng thông tin điện tử.

- Phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ sở giáo dục trong lãnh đạo, chỉ đạo triển khai nhiệm vụ; xác định phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt; gắn kết quả thực hiện với công tác đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm của người đứng đầu và tập thể đơn vị.

- Đổi mới tư duy quản lý, phương thức điều hành theo hướng quản trị dựa trên dữ liệu số; tăng cường sử dụng nền tảng số trong chỉ đạo, điều hành và tổ

chức hoạt động chuyên môn; giảm dần hồ sơ giấy, phương thức làm việc thủ công khi đủ điều kiện triển khai trên môi trường số.

- Khuyến khích các cơ sở giáo dục chủ động đề xuất, thí điểm và nhân rộng các mô hình đổi mới sáng tạo trong quản lý và dạy học.

- Từng bước hình thành văn hóa số trong toàn ngành; xây dựng thói quen làm việc trên môi trường số; nâng cao ý thức tuân thủ quy định về an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân; khuyến khích tự học, tự bồi dưỡng, cập nhật công nghệ mới đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong giáo dục.

## **2. Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế; xóa bỏ quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền điều chỉnh các quy định, quy chế nội bộ của ngành giáo dục nhằm bảo đảm phù hợp với yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong triển khai học bạ số, ký số, số hóa hồ sơ, cung cấp dịch vụ công trực tuyến và khai thác cơ sở dữ liệu ngành. Chủ động cập nhật, cụ thể hóa các quy định của Trung ương và thành phố vào văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Sở, bảo đảm thống nhất, đồng bộ trong toàn ngành.

- Đổi mới tư duy quản lý theo hướng lấy người học và cơ sở giáo dục làm trung tâm, chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm gắn với tăng cường trách nhiệm giải trình; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền đi đôi với kiểm tra, giám sát, ứng dụng công nghệ số trong theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ. Từng bước chuẩn hóa quy trình nội bộ, quy trình giải quyết thủ tục hành chính theo hướng đơn giản, minh bạch, dễ thực hiện trên môi trường số.

- Thực hiện công khai, minh bạch thông tin trong quản lý giáo dục thông qua các hệ thống thông tin, cổng thông tin điện tử và nền tảng số của ngành; tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, tổ chức tiếp cận thông tin, thực hiện dịch vụ công và giám sát hoạt động của cơ quan quản lý và cơ sở giáo dục. Tăng cường phối hợp với các sở, ngành liên quan trong xây dựng, chia sẻ và khai thác dữ liệu, bảo đảm tuân thủ quy định về an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

- Khuyến khích các cơ sở giáo dục chủ động đề xuất sáng kiến cải tiến quy trình quản lý, ứng dụng công nghệ mới trong tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá; kịp thời tổng kết, nhân rộng các mô hình hiệu quả, tạo môi trường thuận lợi cho đổi mới sáng tạo trong nhà trường.

### **3. Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong ngành Giáo dục và Đào tạo**

- Tổ chức triển khai hiệu quả các chương trình, kế hoạch về chuyển đổi số ngành giáo dục theo từng giai đoạn 5 năm, bảo đảm phù hợp với lộ trình của thành phố và mục tiêu đến năm 2045; từng bước hoàn thiện hạ tầng số tại cơ quan Sở và các cơ sở giáo dục theo hướng đồng bộ, hiện đại, an toàn, có khả năng mở rộng và dự phòng. Chủ động rà soát, đề xuất đầu tư, nâng cấp hệ thống thiết bị công nghệ thông tin, đường truyền, phòng học tin học, phòng học STEM, bảo đảm đáp ứng yêu cầu triển khai học bạ số, quản trị số và dạy học ứng dụng công nghệ.

- Đẩy mạnh xây dựng, khai thác và sử dụng hiệu quả cơ sở dữ liệu ngành giáo dục; bảo đảm việc xây dựng, quản lý, khai thác và chia sẻ dữ liệu thực hiện theo Chiến lược dữ liệu thành phố Hải Phòng và định hướng dữ liệu dùng chung của thành phố. Bảo đảm kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của thành phố (LGSP) và các cơ sở dữ liệu quốc gia theo quy định. Từng bước chuẩn hóa, làm sạch và đồng bộ dữ liệu về người học, đội ngũ nhà giáo, cơ sở vật chất, phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành và cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

- Tăng cường đầu tư phát triển và sử dụng các nền tảng số dùng chung trong toàn ngành; triển khai đồng bộ học bạ số, sổ điểm điện tử, ký số trong quản lý và điều hành; nâng cao tỷ lệ cung cấp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến trong lĩnh vực giáo dục. Khuyến khích hợp tác, xã hội hóa đầu tư phát triển hạ tầng và giải pháp công nghệ phục vụ chuyển đổi số giáo dục theo quy định của pháp luật.

- Thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng và thí điểm triển khai trí tuệ nhân tạo (AI), phân tích dữ liệu lớn và các công nghệ số mới trong quản lý, điều hành và tổ chức dạy học; từng bước ứng dụng AI trong hỗ trợ quản lý học sinh, phân tích kết quả học tập, cá thể hóa hoạt động dạy học và nâng cao hiệu quả quản trị nhà trường.

- Tăng cường bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh dữ liệu và bảo vệ dữ liệu cá nhân trong toàn ngành; thực hiện phân loại, xác định cấp độ an toàn hệ thống thông tin; tổ chức kiểm tra, đánh giá định kỳ, diễn tập ứng cứu sự cố an toàn thông tin; ưu tiên sử dụng các giải pháp, sản phẩm an toàn thông tin “Make in Việt Nam” theo quy định.

- Đẩy mạnh kết nối giữa cơ sở giáo dục với các doanh nghiệp để thúc đẩy nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ, hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; khuyến khích đăng ký sở hữu trí tuệ, công bố khoa học và phát triển các mô hình giáo dục gắn với công nghệ mới.

#### **4. Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**

- Xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên trong ngành về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; bảo đảm từng bước hình thành đội ngũ nhân lực có trình độ, kỹ năng số đáp ứng yêu cầu quản trị số và dạy học trong môi trường số. Lòng ghép nội dung chuyên đổi số, đổi mới sáng tạo vào các chương trình bồi dưỡng thường xuyên, sinh hoạt chuyên môn và tập huấn chuyên đề hằng năm.

- Rà soát, xác định nhu cầu nhân lực của từng cấp học, từng lĩnh vực chuyên môn; xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu về đội ngũ cán bộ, giáo viên gắn với yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số; phục vụ công tác quy hoạch, đào tạo, bố trí, sử dụng và phát triển nguồn nhân lực phù hợp với lộ trình chuyển đổi số của ngành.

- Chủ động phối hợp với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp công nghệ và tổ chức liên quan trong đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên giảng dạy các lĩnh vực STEM, tin học, công nghệ số; tăng cường hợp tác trong xây dựng chương trình thực hành, trải nghiệm, nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo cho học sinh, sinh viên.

- Từng bước nghiên cứu cơ chế phối hợp, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu tham gia tư vấn, đào tạo và hỗ trợ triển khai chuyển đổi số trong ngành giáo dục.

- Quan tâm phát hiện, bồi dưỡng và tạo điều kiện phát triển đối với đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý có năng lực nổi trội về công nghệ thông tin, đổi mới sáng tạo; khuyến khích nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ mới trong giảng dạy và quản lý. Từng bước hình thành đội ngũ nhân lực chuyên trách hoặc bán chuyên trách về chuyển đổi số và an toàn thông tin trong các cơ sở giáo dục và cơ quan quản lý giáo dục.

- Tăng cường giáo dục kỹ năng số, tư duy sáng tạo, khởi nghiệp cho học sinh, học viên; đẩy mạnh triển khai giáo dục STEM, nghiên cứu khoa học trong nhà trường; phát động phong trào “học tập số”, thúc đẩy tinh thần tự học, tự nghiên cứu, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của thành phố trong dài hạn.

- Từng bước nghiên cứu, thí điểm các mô hình đào tạo số, quản trị số trong các cơ sở giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế; đẩy mạnh ứng dụng nền tảng số trong tổ chức đào tạo, kiểm tra, đánh giá và quản lý chất lượng giáo dục.

## **5. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong hoạt động của ngành Giáo dục và Đào tạo; nâng cao hiệu quả quản trị, hiệu lực quản lý nhà nước**

- Triển khai đồng bộ các nhiệm vụ xây dựng chính quyền số trong lĩnh vực giáo dục; giao người đứng đầu các đơn vị trực tiếp phụ trách, chỉ đạo thực hiện; định kỳ đánh giá kết quả triển khai chuyển đổi số gắn với mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm. Tăng cường ứng dụng các nền tảng số trong quản lý, điều hành; thực hiện chỉ đạo, điều hành trực tuyến dựa trên dữ liệu; triển khai hệ thống báo cáo, thống kê.

- Đẩy mạnh khai thác cơ sở dữ liệu ngành giáo dục để xây dựng các công cụ hỗ trợ điều hành, theo dõi các chỉ số về đội ngũ, người học, cơ sở vật chất và chất lượng giáo dục; từng bước ứng dụng trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu lớn trong tổng hợp, báo cáo và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ. Bảo đảm kết nối, liên thông dữ liệu với các hệ thống thông tin của thành phố theo quy định, bảo đảm bí mật nhà nước và an toàn thông tin.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kiểm định chất lượng giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế và quy định hiện hành.

- Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trong lĩnh vực giáo dục; đẩy mạnh số hóa hồ sơ, tài liệu, thực hiện giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; tăng tỷ lệ hồ sơ được xử lý trực tuyến và thanh toán trực tuyến. Tăng cường ứng dụng chữ ký số, xác thực điện tử trong giải quyết công việc và cung cấp dịch vụ cho người dân, tổ chức.

- Triển khai các nền tảng số phục vụ quản trị nhà trường; bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông giữa cơ quan quản lý và cơ sở giáo dục; hạn chế trùng lặp, phân tán dữ liệu. Từng bước phát triển các dịch vụ số cá nhân hóa phục vụ người học và phụ huynh trên cơ sở dữ liệu được cập nhật, đồng bộ và chính xác.

- Tăng cường giám sát, bảo đảm an toàn thông tin trong hoạt động chuyển đổi số của ngành; chủ động phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời các nguy cơ mất an toàn, an ninh mạng trong hệ thống thông tin giáo dục; nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên, học sinh về bảo vệ dữ liệu cá nhân và an toàn trên không gian mạng, góp phần xây dựng môi trường giáo dục số an toàn, lành mạnh; từng bước triển khai các giải pháp giám sát an toàn thông tin tập trung phù hợp với quy định của thành phố.

## **6. Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số gắn với doanh nghiệp trong lĩnh vực giáo dục**

- Tăng cường phối hợp, kết nối giữa cơ sở giáo dục với doanh nghiệp công nghệ, doanh nghiệp số nhằm thúc đẩy chuyển giao công nghệ, ứng dụng các giải pháp công nghệ mới trong quản lý và dạy học; tạo điều kiện để học sinh được tiếp cận thực tiễn, tham gia các chương trình trải nghiệm, thực tập, nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo gắn với nhu cầu của doanh nghiệp và thị trường lao động.

- Khuyến khích doanh nghiệp tham gia đầu tư, cung cấp hạ tầng, nền tảng và giải pháp công nghệ phục vụ chuyển đổi số giáo dục theo quy định của pháp luật; thúc đẩy các mô hình hợp tác công - tư trong xây dựng hạ tầng số, phòng học thông minh, phòng thí nghiệm STEM, trung tâm sáng tạo trong nhà trường.

- Tổ chức triển khai các hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trong học sinh, sinh viên; phối hợp với doanh nghiệp, tổ chức liên quan tổ chức cuộc thi, diễn đàn, chương trình ươm tạo ý tưởng sáng tạo; khuyến khích thương mại hóa sản phẩm nghiên cứu, sáng kiến trong nhà trường theo quy định.

- Chủ động phối hợp với các cơ quan liên quan công bố và đề xuất các “bài toán” chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực giáo dục để doanh nghiệp công nghệ tham gia nghiên cứu, phát triển giải pháp; ưu tiên lựa chọn, sử dụng các sản phẩm, dịch vụ công nghệ phù hợp, bảo đảm chất lượng, an toàn thông tin và hiệu quả đầu tư.

- Khuyến khích tiêu dùng và sử dụng các sản phẩm, dịch vụ số trong hoạt động dạy học và quản lý; từng bước hình thành hệ sinh thái số giáo dục kết nối cơ quan quản lý, cơ sở giáo dục và doanh nghiệp công nghệ, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và năng lực cạnh tranh của nguồn nhân lực thành phố.

## **7. Tăng cường hợp tác trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong ngành Giáo dục và Đào tạo**

- Tăng cường liên kết, hợp tác trong nước và đào tạo, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở nghiên cứu trong và ngoài thành phố nhằm chia sẻ kinh nghiệm, mô hình hay về chuyển đổi số, giáo dục STEM, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong dạy học và quản trị nhà trường; phối hợp triển khai các chương trình, dự án chung về phát triển hạ tầng số, nền tảng số và cơ sở dữ liệu giáo dục.

- Chủ động tổ chức hoặc tham gia các hội nghị, diễn đàn, tọa đàm chuyên đề về chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo trong giáo dục; tăng cường học tập kinh nghiệm từ các địa phương, đơn vị có mô hình hiệu quả; từng bước xây dựng hình ảnh ngành giáo dục thành phố chủ động, sáng tạo trong triển khai chuyển đổi số.

## **8. Tăng cường giám sát, đánh giá**

- Tăng cường theo dõi, giám sát việc triển khai các nhiệm vụ, chỉ tiêu của Kế hoạch thông qua hệ thống thông tin quản lý và cơ sở dữ liệu ngành giáo dục; bảo đảm cập nhật kịp thời tiến độ thực hiện, tình hình sử dụng nguồn lực và kết quả đạt được. Thực hiện công khai các thông tin cần thiết theo quy định, tạo điều kiện để cơ quan, tổ chức và người dân giám sát việc triển khai nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong ngành.

- Xây dựng và hoàn thiện bộ tiêu chí, chỉ số đánh giá kết quả thực hiện gắn với các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể của Kế hoạch; kết hợp giữa đánh giá định lượng và định tính, bảo đảm phản ánh đầy đủ, khách quan mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng đơn vị. Ứng dụng các công cụ phân tích dữ liệu để tổng hợp, đánh giá và dự báo xu hướng thực hiện nhiệm vụ, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.

- Phân công rõ trách nhiệm của các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở và các cơ sở giáo dục trong theo dõi, báo cáo, cung cấp số liệu; tổ chức kiểm tra định kỳ, kiểm tra chuyên đề hoặc đột xuất khi cần thiết nhằm kịp thời phát hiện, chấn chỉnh tồn tại, hạn chế. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo quy định; tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện và đề xuất điều chỉnh nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với tình hình thực tế.

- Gắn kết quả thực hiện các nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số với công tác thi đua, khen thưởng và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm của các đơn vị và người đứng đầu.

#### **IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CỤ THỂ GIAI ĐOẠN 2025 - 2030**

##### **1. Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, giải pháp được giao tại Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 71/NQ-CP và Nghị quyết số 11/NQ-CP**

- Tổ chức triển khai đầy đủ, kịp thời các nhiệm vụ, giải pháp thuộc trách nhiệm của ngành Giáo dục và Đào tạo theo Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ, Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ và các văn bản chỉ đạo của Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố; bảo đảm đồng bộ, thống nhất với Kế hoạch số 48/KH-UBND thành phố và Kế hoạch số 100/KH-UBND của xã.

- Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao, Sở Giáo dục và Đào tạo cụ thể hóa các nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của ngành; xác định rõ nội dung công việc, lộ trình thực hiện, đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp và sản phẩm đầu ra; bảo đảm các nhiệm vụ được triển khai thực chất, có kết quả cụ thể, gắn với các mục tiêu, chỉ tiêu đến năm 2030 và định hướng đến năm 2045.

## **2. Các nhiệm vụ cụ thể khác của ngành Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2025-2030**

- Căn cứ Kế hoạch hành động của Ban Thường vụ Thành ủy và Kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố và xã về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, trên cơ sở yêu cầu thực tiễn của ngành, UBND xã xác định bổ sung một số nhiệm vụ trọng tâm về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong giai đoạn 2025-2030, tập trung vào:

- Hoàn thiện hệ sinh thái dữ liệu giáo dục số, triển khai đồng bộ học bạ số, quản trị số và các nền tảng số dùng chung trong toàn ngành;

- Phát triển nguồn nhân lực số, nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh;

- Đẩy mạnh giáo dục STEM, nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trong nhà trường;

- Tăng cường bảo đảm an toàn thông tin, an ninh dữ liệu trong hoạt động quản lý và dạy học trên môi trường số;

- Các nhiệm vụ cụ thể, lộ trình thực hiện, phân công đơn vị chủ trì, phối hợp được quy định chi tiết tại Phụ lục III kèm theo Kế hoạch.

### **V. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành; nguồn kinh phí lồng ghép trong các chương trình, đề án có liên quan và các nguồn huy động hợp pháp khác.

### **VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **1. Phòng Văn hóa - Xã hội xã**

- Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được phân cấp có trách nhiệm phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức triển khai các nhiệm vụ, giải pháp phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục trên địa bàn; chỉ đạo, đôn đốc các cơ sở giáo dục thực hiện đầy đủ các chỉ tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch.

- Chủ động phối hợp trong việc rà soát, chuẩn hóa dữ liệu giáo dục; hỗ trợ triển khai dịch vụ công trực tuyến, tuyển sinh đầu cấp và các nội dung liên quan đến cư trú, dân cư theo phân cấp; kịp thời tổng hợp, phản ánh những khó khăn, vướng mắc phát sinh, đề xuất giải pháp xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

- Là bộ phận tham mưu chính giúp UBND xã tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch trên địa bàn.

- Chủ trì:

+ Xây dựng văn bản hướng dẫn, đôn đốc các cơ sở giáo dục triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số, phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo.

+ Tham mưu UBND xã ban hành các văn bản chỉ đạo, kế hoạch chi tiết hằng năm phù hợp với tình hình thực tế.

- Theo dõi, đôn đốc:

+ Việc triển khai học bạ số, sổ điểm điện tử, chữ ký số tại các trường.

+ Tiến độ cập nhật dữ liệu ngành giáo dục, số hóa hồ sơ.

+ Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, dạy học.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan:

+ Sở Giáo dục và Đào tạo để tiếp nhận hướng dẫn chuyên môn.

+ Các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ trong triển khai hạ tầng số (nếu có).

- Tổ chức:

+ Phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất việc thực hiện tại các cơ sở giáo dục.

+ Đánh giá kết quả thực hiện gắn với tiêu chí chuyển đổi số.

- Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo:

+ Tổng hợp báo cáo định kỳ, đột xuất gửi UBND xã và cơ quan cấp trên theo quy định.

+ Tham mưu sơ kết, tổng kết, đề xuất khen thưởng hoặc xử lý các đơn vị thực hiện chưa hiệu quả.

## **2. Các cơ sở giáo dục trên địa bàn xã**

- Các cơ sở giáo dục căn cứ Kế hoạch này và hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo, Kế hoạch Ủy ban nhân dân xã xây dựng kế hoạch triển khai phù hợp với điều kiện thực tiễn của đơn vị; tổ chức thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ chuyển đổi số, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong quản lý và dạy học.

- Tổ chức triển khai các nhiệm vụ:

+ Thực hiện học bạ số, sổ điểm điện tử, chữ ký số theo lộ trình.

+ Số hóa hồ sơ, tài liệu; quản lý dữ liệu học sinh, giáo viên đầy đủ, chính xác.

+ Ứng dụng công nghệ thông tin trong: Dạy học (giáo án điện tử, học liệu số); Kiểm tra, đánh giá học sinh; Quản trị nhà trường.

- Thực hiện việc tạo lập, cập nhật, quản lý và khai thác dữ liệu giáo dục; triển khai học bạ số, chữ ký số, số hóa hồ sơ; bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định của pháp luật; chủ động lồng ghép nội dung giáo dục kỹ năng số, giáo dục STEM, khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo vào hoạt động giáo dục:

+ Tổ chức dạy học STEM, hoạt động trải nghiệm sáng tạo.

+ Khuyến khích giáo viên ứng dụng công nghệ, đổi mới phương pháp giảng dạy.

+ Tăng cường giáo dục kỹ năng số cho học sinh.

- Bảo đảm điều kiện triển khai:

+ Phân công cán bộ phụ trách chuyên đổi số tại đơn vị.

+ Đảm bảo hạ tầng CNTT, thiết bị dạy học.

+ Thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân.

- Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định; chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý trực tiếp về tính chính xác, đầy đủ, kịp thời của dữ liệu và kết quả triển khai tại đơn vị:

+ Báo cáo định kỳ, đột xuất theo yêu cầu của UBND xã.

+ Chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ của số liệu, dữ liệu báo cáo.

### **3. Các bộ phận, đơn vị liên quan**

#### **a) Công an xã**

- Phối hợp đảm bảo:

+ An ninh mạng, an toàn thông tin trong các trường học.

+ Phòng ngừa, phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm trên không gian mạng liên quan đến giáo dục.

- Hướng dẫn:

+ Các cơ sở giáo dục thực hiện bảo vệ dữ liệu cá nhân.

+ Nâng cao nhận thức về an toàn thông tin cho giáo viên, học sinh.

#### **b) Phòng Kinh tế**

- Tham mưu UBND xã:

+ Bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo phân cấp ngân sách.

- + Lồng ghép nguồn lực từ các chương trình, dự án liên quan.
- Hướng dẫn các đơn vị sử dụng kinh phí đúng mục đích, hiệu quả.
- Phối hợp kiểm tra việc quản lý, sử dụng kinh phí phục vụ chuyển đổi số trong giáo dục.

**c) Các tổ chức đoàn thể thuộc MTTQ xã (Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Khuyến học,...)**

- Phối hợp tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân, phụ huynh, học sinh về chuyển đổi số trong giáo dục.
- Tham gia vận động xã hội hóa nguồn lực hỗ trợ trường học. Tổ chức các hoạt động hỗ trợ học sinh tiếp cận công nghệ, tập huấn kỹ năng số cơ bản.
- Phối hợp giám sát việc thực hiện các nội dung của Kế hoạch tại cơ sở.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Triển khai các nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số của ngành Giáo dục và Đào tạo của Ủy ban nhân dân xã Tân Kỳ. Đề nghị các nhà trường, cơ quan, đơn vị liên quan nghiêm túc triển khai, thực hiện./.

***Nơi nhận:***

- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Các phòng, ban, ngành, đơn vị;
- Các trường trên địa bàn xã;
- Lưu: VT, VHXXH.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Xuân Cường**

## PHỤ LỤC 1

**Các chỉ tiêu theo Nghị quyết số 71/NQ-CP, Nghị quyết số 11/NQ-CP thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo**  
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND, ngày tháng 03 năm 2026 của UBND xã)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Đến năm 2030	Đến năm 2045
1	Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến trong lĩnh vực giáo dục	%	$\geq 80$	Duy trì, nâng cao
2	Tỷ lệ thủ tục hành chính đủ điều kiện trong lĩnh vực giáo dục được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình	%	100	100
3	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính trong lĩnh vực giáo dục được xử lý trực tuyến toàn trình	%	$\geq 80$	$\geq 95$
4	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính trong lĩnh vực giáo dục được số hóa	%	$\geq 80$	100
5	Tỷ lệ kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực giáo dục được cấp bản điện tử	%	$\geq 80$	100
6	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực giáo dục	%	$\geq 50$	$\geq 80$
7	Văn bản, hồ sơ công việc trong ngành giáo dục được xử lý toàn trình trên môi trường điện tử	%	100	100
8	Nhiệm vụ được giao trong ngành giáo dục được theo dõi, cập nhật trên hệ thống điện tử	%	100	100
9	Mức độ chuyển đổi số đối với các cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý giáo dục đạt mức 2 trở lên	%	$> 95$ (phổ thông); $> 90$ (mầm non)	100

## PHỤ LỤC 2

### Hệ thống chỉ tiêu và phân công trách nhiệm thực hiện Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW trong ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố Hải Phòng giai đoạn 2025-2045

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND, ngày tháng 03 năm 2026 của UBND xã)

TT	Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2030	Năm 2035	Năm 2040	Năm 2045	Đơn vị chủ trì theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra và tổng hợp kết quả thực hiện	Đơn vị tổ chức triển khai và báo cáo kết quả thực hiện
<b>I</b>	<b>HẠ TẦNG SỐ VÀ AN TOÀN THÔNG TIN</b>							
1	Tỷ lệ cơ sở giáo dục có kết nối Internet băng rộng ổn định	≥95%	100%	100%	100%	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo và phòng Văn hóa - Xã hội	Các cơ sở giáo dục
2	Tỷ lệ phòng học được trang bị thiết bị dạy học số	≥70%	≥90%	≥95%	100%	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo và phòng Văn hóa - Xã hội	Các cơ sở giáo dục
3	Tỷ lệ sự cố ATTT được phát hiện, xử lý kịp thời	≥90%	≥95%	100%	100%	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo và phòng Văn hóa - Xã hội	Các cơ sở giáo dục
<b>II</b>	<b>DỮ LIỆU SỐ VÀ NỀN TẢNG SỐ</b>							
4	Tỷ lệ dữ liệu học sinh và giáo viên được chuẩn hóa, cập nhật đầy đủ, chính xác và đồng bộ	≥80%	≥95%	100%	100%	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo và phòng Văn hóa - Xã hội	Các cơ sở giáo dục
5	Tỷ lệ dữ liệu về cơ sở vật chất và trang thiết bị trường học được số hóa và quản lý tập trung	≥70%	≥95%	100%	100%	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo và phòng Văn hóa - Xã hội	Các cơ sở giáo dục
6	Tỷ lệ dữ liệu giáo dục được tích hợp và chia sẻ qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của thành phố	≥60%	≥85%	100%	100%	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo và phòng Văn hóa - Xã hội	Các cơ sở giáo dục
7	Tỷ lệ hồ sơ chuyên môn của cơ sở giáo dục được tạo lập và lưu trữ trên môi trường điện tử	≥80%	≥95%	100%	100%	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo và phòng Văn hóa - Xã hội	Các cơ sở giáo dục

8	Tỷ lệ học sinh được cấp và quản lý học bạ điện tử theo quy định	100%	Duy trì	Duy trì	Duy trì	Duy trì	Sở Giáo dục và Đào tạo và phòng Văn hóa - Xã hội	Các cơ sở giáo dục
9	Tỷ lệ văn bằng, chứng chỉ được số hóa và cung cấp dịch vụ tra cứu trực tuyến	≥70%	≥95%	100%	100%	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo và phòng Văn hóa - Xã hội	Các cơ sở giáo dục
10	Tỷ lệ hồ sơ cấp phát văn bằng, chứng chỉ được xử lý trên môi trường điện tử	≥70%	≥90%	100%	100%	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo và phòng Văn hóa - Xã hội	Các cơ sở giáo dục
<b>III</b>	<b>QUẢN TRỊ SỐ VÀ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH</b>							
11	Tỷ lệ người dân thực hiện thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên môi trường số	≥70%	≥90%	≥95%	≥98%	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Phòng Văn hóa - Xã hội, Trung tâm Phục vụ hành chính công xã
12	Tỷ lệ người dân và tổ chức hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo	≥95%	≥98%	100%	100%	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Phòng Văn hóa - Xã hội, Trung tâm Phục vụ hành chính công xã
13	Tỷ lệ cơ sở giáo dục thực hiện ký số hồ sơ chuyên môn, sổ điểm và học bạ theo quy định	≥90%	100%	100%	100%	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo và phòng Văn hóa - Xã hội	Các cơ sở giáo dục
14	Tỷ lệ giáo viên có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân phục vụ công tác chuyên môn	≥70%	≥90%	≥95%	100%	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo và phòng Văn hóa - Xã hội	Các cơ sở giáo dục
15	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện được cung cấp toàn trình	100%	100%	100%	100%	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Phòng Văn hóa - Xã hội, Trung tâm Phục vụ hành chính công xã

16	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được tiếp nhận và xử lý trực tuyến	≥70%	≥85%	≥95%	100%	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Phòng Văn hóa - Xã hội, Trung tâm Phục vụ hành chính công xã
17	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được số hóa theo quy định	≥80%	100%	100%	100%	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Phòng Văn hóa - Xã hội, Trung tâm Phục vụ hành chính công xã
18	Tỷ lệ giao dịch hành chính trong lĩnh vực giáo dục được thực hiện theo hình thức không tiếp xúc trực tiếp	≥70%	100%	100%	100%	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo	Phòng Văn hóa - Xã hội, Trung tâm Phục vụ hành chính công xã
19	Tỷ lệ cơ sở giáo dục thực hiện thu học phí và các khoản thu hợp pháp bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt	≥80%	≥95%	100%	100%	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo và phòng Văn hóa - Xã hội	Các cơ sở giáo dục
20	Tỷ lệ giao dịch tài chính nội bộ của cơ sở giáo dục được thực hiện qua hệ thống ngân hàng hoặc trung gian thanh toán hợp pháp	≥80%	≥95%	100%	100%	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo và phòng Văn hóa - Xã hội	Các cơ sở giáo dục
<b>IV</b>	<b>NĂNG LỰC SỐ VÀ CÔNG DÂN SỐ</b>							
21	Tỷ lệ cán bộ quản lý và giáo viên được bồi dưỡng, cập nhật kỹ năng số cơ bản và nâng cao	≥90%	100%	100%	100%	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo và phòng Văn hóa - Xã hội	Các cơ sở giáo dục
22	Tỷ lệ giáo viên ứng dụng học liệu số và nền tảng số trong hoạt động dạy học	≥70%	≥90%	≥95%	100%	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo và phòng Văn hóa - Xã hội	Các cơ sở giáo dục

23	Tỷ lệ cán bộ quản lý và giáo viên được tập huấn về an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân hàng năm	≥80%	≥95%	100%	100%	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo và phòng Văn hóa - Xã hội	Các cơ sở giáo dục
24	Tỷ lệ học sinh được giáo dục kỹ năng số theo chương trình và khung năng lực số phù hợp với từng cấp học	≥80%	100%	100%	100%	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo và phòng Văn hóa - Xã hội	Các cơ sở giáo dục
25	Tỷ lệ cơ sở giáo dục tổ chức hoạt động giáo dục công dân số, văn hóa ứng xử trên môi trường mạng và an toàn mạng học đường	≥80%	≥95%	100%	100%	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo và phòng Văn hóa - Xã hội	Các cơ sở giáo dục
<b>V</b>	<b>GIÁO DỤC STEM, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO</b>							
26	Tỷ lệ trường phổ thông triển khai giáo dục STEM theo kế hoạch của ngành	≥80%	100%	100%	100%	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo và phòng Văn hóa - Xã hội	Các trường THCS trên địa bàn xã
27	Tỷ lệ trường có câu lạc bộ STEM hoặc câu lạc bộ đổi mới sáng tạo hoạt động thường xuyên	≥60%	≥85%	≥95%	100%	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo và phòng Văn hóa - Xã hội	Các trường THCS trên địa bàn xã
28	Tỷ lệ giáo viên tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học, sáng kiến và cải tiến chuyên môn	≥40%	≥60%	≥80%	≥90%	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo và phòng Văn hóa - Xã hội	Các trường THCS trên địa bàn xã
29	Tỷ lệ cơ sở giáo dục phổ thông triển khai thí điểm nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo phù hợp với từng cấp học và điều kiện thực tế	Thí điểm	≥50%	≥80%	100%	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo và phòng Văn hóa - Xã hội	Các trường THCS trên địa bàn xã
<b>VI</b>	<b>GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ CHUYÊN ĐỔI SỐ</b>							

30	Tỷ lệ cơ sở giáo dục phổ thông đạt mức độ 2 trở lên về chuyển đổi số theo bộ chỉ số đánh giá	≥75%	≥95%	100%	100%	-	Sở Giáo dục và Đào tạo và phòng Văn hóa - Xã hội	Các cơ sở giáo dục tiểu học và THCS
31	Tỷ lệ cơ sở giáo dục mầm non đạt mức độ 2 trở lên về chuyển đổi số theo bộ chỉ số đánh giá	≥70%	≥90%	≥95%	100%	-	Sở Giáo dục và Đào tạo và phòng Văn hóa - Xã hội	Các cơ sở giáo dục mầm non

**PHỤ LỤC 3**  
**PHÂN CÔNG TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW**  
*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND, ngày tháng 03 năm 2026 của UBND xã)*

TT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
<b>I</b>	<b>Nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn thành phố về phát triển KHCN, ĐMST và CDS</b>			
1	Tổ chức quán triệt, tuyên truyền nội dung Nghị quyết số 57NQ/TW và các văn bản chỉ đạo của Trung ương, thành phố trong toàn ngành Giáo dục	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các cơ sở giáo dục	Thường xuyên
2	Lồng ghép mục tiêu phát triển KHCN, ĐMST và CDS vào kế hoạch năm học và chương trình công tác hằng năm của ngành	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các cơ sở giáo dục	Hằng năm
3	Tăng cường vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở giáo dục trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ phát triển KHCN, ĐMST và CDS tại đơn vị	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các cơ sở giáo dục	Thường xuyên
4	Phát động phong trào thi đua về đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; gắn kết quả thực hiện với công tác đánh giá, xếp loại hằng năm	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các cơ sở giáo dục	Hằng năm
<b>II</b>	<b>Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế; xoá bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển KHCN, ĐMST và CDS</b>			
5	Triển khai giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc địa giới hành chính theo chỉ đạo của thành phố	Trung tâm Phục vụ hành chính công xã	Phòng Văn hóa - Xã hội	Thường xuyên
6	Tổ chức đánh giá mức độ chuyển đổi số các cơ sở giáo dục theo bộ chỉ số của Bộ Giáo dục và Đào tạo (hoặc theo hướng dẫn hiện hành)	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các cơ sở giáo dục	Hằng năm

III	<b>Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia</b>			
7	Triển khai ký số hồ sơ, học bạ và văn bản điện tử trong ngành Giáo dục theo quy định	Sở Giáo dục và Đào tạo và phòng Văn hóa - Xã hội	Các cơ sở giáo dục tiểu học và THCS	2026 và duy trì
8	Cung cấp thông tin, vận hành Cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục và Đào tạo; bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu theo Chiến lược dữ liệu thành phố Hải Phòng và định hướng dữ liệu dùng chung của thành phố	Sở Giáo dục và Đào tạo và phòng Văn hóa - Xã hội	Các cơ sở giáo dục	2026-2030
9	Triển khai học bạ số cho 100% học sinh phổ thông; quản lý, khai thác hiệu quả dữ liệu học bạ số	Sở Giáo dục và Đào tạo và phòng Văn hóa - Xã hội	Các cơ sở giáo dục tiểu học và THCS	2026 và duy trì
10	Cung cấp thông tin, vận hành cơ sở dữ liệu văn bằng, chứng chỉ; cung cấp dịch vụ tra cứu trực tuyến	Sở Giáo dục và Đào tạo và phòng Văn hóa - Xã hội	Các cơ sở giáo dục tiểu học và THCS	2026-2027
11	Triển khai hệ thống tuyển sinh đầu cấp trực tuyến, bảo đảm công khai, minh bạch	Sở Giáo dục và Đào tạo và phòng Văn hóa - Xã hội	Các cơ sở giáo dục	Hàng năm
12	Đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, thiết bị dạy học số trong các cơ sở giáo dục phục vụ chuyển đổi số	Sở Giáo dục và Đào tạo và phòng Kinh tế	Các cơ sở giáo dục	Hàng năm
IV	<b>Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển KHCN, ĐMST và CĐS quốc gia</b>			
13	Tham gia bồi dưỡng, nâng cao năng lực số cho cán bộ quản lý, giáo viên trong toàn ngành	Sở Giáo dục và Đào tạo và phòng Văn hóa - Xã hội	Các cơ sở giáo dục	Thường xuyên
14	Tăng cường giáo dục kỹ năng số, kỹ năng công dân số cho học sinh theo chương trình phù hợp từng cấp học	Sở Giáo dục và Đào tạo và phòng Văn hóa - Xã hội	Các cơ sở giáo dục	Theo năm học

15	Đẩy mạnh triển khai giáo dục STEM và các hoạt động nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo trong trường học	Sở Giáo dục và Đào tạo và phòng Văn hóa - Xã hội	Các cơ sở giáo dục	Hàng năm
16	Triển khai thí điểm ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong dạy học và quản lý giáo dục theo hướng dẫn và điều kiện thực tế	Sở Giáo dục và Đào tạo và phòng Văn hóa - Xã hội	Các cơ sở giáo dục	Từ năm 2026
17	Khuyến khích, hỗ trợ giáo viên tham gia nghiên cứu khoa học, sáng kiến, cải tiến chuyên môn	Sở Giáo dục và Đào tạo và phòng Văn hóa - Xã hội	Các cơ sở giáo dục	Hàng năm
<b>V</b>	<b>Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh</b>			
18	Triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình đối với các thủ tục đủ điều kiện theo quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công	Phòng Văn hóa - Xã hội	2026 và duy trì
19	Tăng cường ứng dụng chuyển đổi số trong công tác quản lý, điều hành của Sở và các cơ sở giáo dục; khai thác hiệu quả các hệ thống quản trị, báo cáo phục vụ chỉ đạo điều hành	Sở Giáo dục và Đào tạo và phòng Văn hóa - Xã hội	Các cơ sở giáo dục	Thường xuyên
20	Tuyên truyền, tập huấn về an toàn mạng học đường cho cán bộ, giáo viên và học sinh	Sở Giáo dục và Đào tạo và phòng Văn hóa - Xã hội	Các cơ sở giáo dục	Hàng năm
21	Phối hợp phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm trên không gian mạng liên quan đến lĩnh vực giáo dục	Sở Giáo dục và Đào tạo và phòng Văn hóa - Xã hội	Các cơ sở giáo dục	Thường xuyên
<b>VI</b>	<b>Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp</b>			
22	Phối hợp, đồng hành với doanh nghiệp công nghệ triển khai các nền tảng số, học liệu số, giải pháp trí	Sở Giáo dục và Đào tạo và phòng Văn hóa - Xã hội	Các cơ sở giáo dục	Thường xuyên

	tuệ nhân tạo và các dịch vụ số phục vụ quản trị, dạy học trong ngành Giáo dục (theo quy định)			
<b>VII</b>	<b>Tăng cường hợp tác trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số</b>			
23	Tăng cường hợp tác với các cơ sở giáo dục, tổ chức, doanh nghiệp để huy động nguồn lực, chia sẻ tri thức, phát triển KHCN, ĐMST và CDS trong ngành; đồng thời tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ theo Kế hoạch	Phòng Văn hóa - Xã hội	Các cơ sở giáo dục	Hàng năm và thường xuyên